

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 14
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2025/DS-ST
Ngày: 30-7-2025
V/v Tranh chấp Hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 14- THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Hoa

Bà Đỗ Thị Ngân

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Ảnh- Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 14- Thành phố Hồ Chí Minh

-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 14- Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Bích- Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 07 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 14- Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 457/2024/TLST-DS ngày 05 tháng 11 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử 62/2025/QĐXXST- DS ngày 16/6/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2025/QĐST-DS ngày 04 tháng 07 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần S

Địa chỉ trụ sở chính: Số 266- 268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Số 266- 268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch Diễm, Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Chê Ngọc Sinh, Chức vụ: Phó Giám đốc Chi nhánh Kiêm Trưởng phòng giao dịch Ngân hàng TMCP S- Chi nhánh Bà Rịa- PGD Châu Đức.

Địa chỉ: Số 309A đường Hùng Vương, thị trấn Ngãi Giao, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu (nay là Số 309A đường Hùng Vương, xã Ngãi Giao, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện theo ủy quyền lại: Bà Châu Ngọc Kiều H, sinh năm 1978

(có mặt)

Địa chỉ: 67A đường L, phường 7, Thành phố V, tỉnh B (nay là Phường T, Thành phố H).

- Bị đơn: Ông Nguyễn Quang D, sinh năm 1975 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Đ, xã B, huyện C, tỉnh B (nay là Ấp Đ, xã N, Thành phố H).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 06/02/2018, ông Nguyễn Quang D có ký với Ngân hàng Thương mại cổ phần S (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng), hạn mức thẻ tại thời điểm ký hợp đồng là 55.000.000 đồng (năm mươi lăm triệu đồng). Trong quá trình sử dụng thẻ, ông Nguyễn Quang D đã đề xuất và được Ngân hàng duyệt nâng hạn mức thẻ tín dụng lên 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) với mục đích tiêu dùng cá nhân. Cụ thể như sau: Loại thẻ: VS payWave Cre Platinum Cashback, Số thẻ/số HD: 436438 – 5058, Hạn mức: 100.000.000 đồng, Ngày ký hợp đồng: 06/02/2018, Lãi suất: 29.8%/năm. Lãi suất được thả nổi và được điều chỉnh theo quy định của S trong từng thời kỳ. Lãi suất tại thời điểm điều chỉnh được niêm yết công khai trên trang web của S và phù hợp quy định Ngân hàng Nhà Nước. Khách hàng được sử dụng thẻ linh hoạt trong hạn mức tín dụng được cấp, khách hàng được rút và trả tiền quay vòng nhiều lần hoặc vay tiêu dùng qua thẻ. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, trong suốt quá trình sử dụng thẻ tín dụng ông D đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 175.991.134 đồng. Lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất Ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau (Điều 25 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ông D phải chịu các khoản phí theo quy định trong Điều 27 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, chi tiết lãi, phí trong sao kê tóm tắt.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông D đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 193.454.277 đồng (chi tiết các lần thanh toán trong bảng sao kê tóm tắt đính kèm). Tổng số tiền trên được thanh toán áp dụng theo Điều 23 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng cụ thể việc thanh toán sẽ được áp dụng theo thứ tự như sau: Các khoản phí và/ hoặc lãi của kỳ trước, Giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước, Giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước, Các khoản phí và/ hoặc lãi trong kỳ, Giao dịch rút tiền mặt trong kỳ, Giao dịch mua hàng hóa trong kỳ

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông D vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông D vi phạm nghĩa vụ thanh toán kỳ ngày 15/10/2023 (Điều 26 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), đến ngày 15/01/2024 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn

bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 26 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là 117.464.697 đồng làm nợ gốc (khoản 1.11 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng), áp dụng lãi suất nợ quá hạn (là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm chuyển quá hạn).

Do ông D vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng nên Ngân hàng yêu cầu ông D trả số tiền còn nợ tính đến ngày 30/07/2025 là 199.433.520 đồng. Cụ thể là: Số tiền gốc tính đến ngày 30/07/2025: 117.464.697 đồng (1). Việc tính lãi quá hạn được tính trên cơ sở như sau: Lãi trong hạn: 29.8%/năm; Lãi quá hạn: 29.8%/năm (tương đương 29.8%/12/tháng) x 150%/tháng = 3,725%/tháng, Số tiền lãi quá hạn 1 ngày: 117.464.697 đồng x (3,725%/30/ngày) = 145.852 đồng, Số ngày lãi quá hạn từ ngày 15/01/2024 đến ngày 30/07/2025: 562 ngày, Tiền lãi quá hạn đối với thẻ 562 ngày x 145.852 đồng = 81.968.823 đồng (2). Tổng số tiền ông Nguyễn Quang D phải thanh toán cho Ngân hàng tính đến ngày 30/07/2025 (1) + (2) là: 117.464.697 đồng + 81.968.823 đồng = 199.433.520 đồng (một trăm chín mươi chín triệu bốn trăm ba mươi ba ngàn năm trăm hai mươi đồng)

Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần cố gắng liên lạc yêu cầu ông D có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để trả nợ, tuy nhiên ông D vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã được quy định tại Hợp đồng đã ký.

Nay, Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Nguyễn Quang D phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 30/07/2025 là 199.433.520 đồng (một trăm chín mươi chín triệu bốn trăm ba mươi ba ngàn năm trăm hai mươi đồng). Trong đó: Nợ gốc là 117.464.697 đồng; Lãi quá hạn là 81.968.823 đồng.

Và bị đơn có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 31/07/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

2. Đối với bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như xét xử tại Tòa, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn ông Nguyễn Quang D vắng mặt, không lên Tòa án làm việc.

Theo kết quả tại Biên bản xác minh ngày 13/3/2025 tại Công an xã B, huyện C, tỉnh B (nay là Công an xã N, Thành phố H) thì được biết ông Nguyễn Quang D có hộ khẩu thường trú tại Ấp Đ, xã B, huyện C, tỉnh B (nay là Ấp Đ, xã N, Thành phố H). Hiện nay, ông D không thực tế sinh sống tại địa phương, không rõ ông D đã đi đâu và đi từ thời gian nào.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14- Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng, tham gia tố tụng và quan điểm giải quyết trong vụ án:

Về việc chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng: Tòa án nhân dân khu vực 14- Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý vụ án đúng theo thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật về nội dung tranh chấp, thu thập chứng cứ đầy đủ và xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự. Hội đồng xét xử thực hiện đúng nguyên tắc xét xử trong phiên tòa sơ thẩm. Về thời hạn chuẩn bị xét xử: không đúng quy định về thời hạn chuẩn bị xét xử theo Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự nên cần rút kinh nghiệm.

Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng cố tình vắng mặt, vi phạm quy định tại Điều 70 và Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Nguyễn Quang D phải trả cho Ngân hàng số tiền (tạm tính đến hết ngày 30/7/2025) là 199.433.520 đồng, theo Giấy Đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 06/2/2018 và Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Trong đó: Nợ gốc là 117.464.697 đồng; Lãi quá hạn là 81.968.823 đồng và đề nghị bị đơn có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 31/07/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng. Về án phí: Ông Nguyễn Quang D phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền phải trả cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14- Thành phố Hồ Chí Minh, Tòa án nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Quang D phải trả số tiền vay chưa thanh toán theo Giấy Đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 06/2/2018 đã ký giữa hai bên nên đây là quan hệ pháp luật “Tranh chấp về Hợp đồng tín dụng”; Nơi cư trú của ông Nguyễn Quang D là Ấp Đ, xã B, huyện C, tỉnh B (nay là Ấp Đ, xã N, Thành phố H) nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 14- Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án (sửa đổi, bổ sung Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự).

Tại phiên tòa, Tòa án đã triệu tập ông D hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông Nguyễn Quang D.

[2] Về nội dung:

[2.1] Ông Nguyễn Quang D đã ký kết với Ngân hàng Thương mại cổ phần S Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng bao gồm: Giấy Đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 06/2/2018 và Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần S và ông Nguyễn Quang D.

Xét thấy, sự thỏa thuận của đương sự trong các Hợp đồng trên là tự nguyện, không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với quy định của pháp luật nên thỏa thuận này có giá trị pháp lý.

[2.2] Căn cứ thu nhập của ông Nguyễn Quang D, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 100.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất 29.8%/năm. Ông D được sử dụng thẻ linh hoạt trong hạn mức tín dụng được cấp, được rút và trả tiền quay vòng nhiều lần hoặc vay tiêu dùng qua thẻ. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, trong suốt quá trình sử dụng thẻ tín dụng ông D đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 175.991.134 đồng. Từ ngày giải ngân, ông D đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 193.454.277 đồng (chi tiết các lần thanh toán trong bảng sao kê tóm tắt đính kèm). Ngày 15/10/2023 ông D đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tại Điều 26 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành thẻ tín dụng của Ngân hàng.

[2.3] Tại giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 06/2/2018, ông D đã cam kết: *“Tôi/Chúng tôi khẳng định tất cả thông tin được cung cấp trong mẫu đơn này là đúng sự thật. Tôi/chúng tôi cho phép và đồng ý rằng S hay bất kỳ bên nào thay mặt cho S: được sử dụng, chia sẻ, trao đổi thông tin của tôi/chúng tôi với cá nhân và/hoặc tổ chức khác, bao gồm thông tin về tín dụng của tôi/chúng tôi nhằm mục đích hạn chế rủi ro cho tôi/chúng tôi, cho S hoặc vì mục đích khác không trái quy định pháp luật; tìm kiếm thông tin từ bất kỳ cá nhân và/hoặc tổ chức nào; và trích tiền từ tài khoản của tôi/chúng tôi tại S để thanh toán nợ quá hạn; từ chối/ngưng thực hiện nghĩa vụ với tôi/chúng tôi theo các cam kết nếu tôi/chúng tôi còn dư nợ thẻ chưa thanh toán cho S. Bằng việc ký vào mẫu đơn này, tôi/chúng tôi xác nhận rằng tôi/chúng tôi đã đọc và đồng ý bị ràng buộc bởi Điều khoản và Điều kiện của thẻ tín dụng và cùng với mẫu đơn này, tạo nên một hợp đồng chi phối việc phát hành và sử dụng thẻ tín dụng S có tính ràng buộc về mặt pháp lý giữa tôi/chúng tôi và S. Tôi/chúng tôi chịu trách nhiệm đối với các nghĩa vụ và trách nhiệm phát sinh liên quan đến việc sử dụng thẻ tín dụng mà tôi/chúng tôi đã được cấp, ...”*

Bằng việc ký vào giấy đề nghị này, ông D đồng ý việc Ngân hàng Thương mại cổ phần S chủ động xem xét cấp hạn mức và phát hành thẻ tín dụng với hạn mức, thời hạn, lãi suất,...theo quy định của Ngân hàng S. Khi kích hoạt thành công thẻ tín dụng thì ông D đồng ý với việc sử dụng thẻ tín dụng và cam kết tuân thủ đầy đủ các quy định tại giấy đề nghị này, các Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng và các văn bản có giá trị tương đương. Và ngân hàng đã áp dụng lãi suất 29.8%/năm là phù hợp với Biểu phí sản phẩm dịch vụ thẻ tín dụng S tại cùng thời điểm và quy định của Thông tư 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 của Ngân hàng nhà nước quy định về hoạt động thẻ Ngân hàng, Điều 91 Luật tổ chức tín dụng và Điều 7 Nghị quyết 01/2019/NQ-

HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Do ông D vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 15/1/2024 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và áp dụng lãi suất quá hạn đối với toàn bộ Dư nợ theo quy định của Ngân hàng S. Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là 117.464.697 đồng làm nợ gốc. Áp dụng lãi suất quá hạn là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm chuyển quá hạn. Việc quy định này phù hợp điểm g Điều 13, Điều 15 Thông tư 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam và tại mục 2, 13, 20, 26, mục 1.11 của Bản Điều Khoản và Điều kiện Phát hành và sử dụng Thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng Thương mại cổ phần S.

Về Lãi suất quá hạn: Ngân hàng đã tính theo đúng quy định.

Từ phân tích trên, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S đối với ông Nguyễn Quang D. Buộc ông Nguyễn Quang D phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền (tạm tính đến ngày xét xử là ngày 30/7/2025) là 199.433.520 đồng, trong đó: Dư nợ là 117.464.697 đồng và nợ lãi quá hạn: 81.968.823 đồng; theo Giấy Đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 06/02/2018 của Ngân hàng; Bản Điều Khoản và Điều kiện Phát hành và sử dụng Thẻ tín dụng giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần S và ông Nguyễn Quang D. Và ông D có trách nhiệm thanh toán khoản lãi, phí phát sinh từ ngày 31/7/2025 cho đến khi trả nợ xong theo lãi suất theo thỏa thuận được quy định tại Hợp đồng.

[3] Về án phí: Ông Nguyễn Quang D phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền phải trả cho Ngân hàng được Tòa án chấp nhận là 9.971.676 đồng (*chín triệu chín trăm bảy mươi một ngàn sáu trăm bảy mươi sáu đồng*).

Ngân hàng Thương mại Cổ phần S không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.639.000 đồng (*ba triệu sáu trăm ba mươi chín ngàn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001479 ngày 05/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu (nay là Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh).

[4] Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14- Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa về thủ tục tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, 466 Bộ luật dân sự; Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính,

luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án (sửa đổi, bổ sung Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự); Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 7, 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Thông tư 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 của Ngân hàng nhà nước; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần S (S) đối với bị đơn Nguyễn Quang D về việc “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng”.

Buộc ông Nguyễn Quang D phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S (S) tổng số tiền (tạm tính đến ngày 30/7/2025) là 199.433.520 đồng (*một trăm chín mươi chín triệu bốn trăm ba mươi ba ngàn năm trăm hai mươi đồng*), trong đó: Dư nợ là 117.464.697 đồng và nợ lãi quá hạn: 81.968.823 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 30/7/2025) cho đến khi thi hành án xong, ông Nguyễn Quang D còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận theo Giấy Đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 06/2/2018 của Ngân hàng; Bản Điều Khoản và Điều kiện Phát hành và sử dụng Thẻ tín dụng giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần S và ông Nguyễn Quang D cho đến khi trả hết nợ nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Quang D phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 9.971.676 đồng (*chín triệu chín trăm bảy mươi một ngàn sáu trăm bảy mươi sáu đồng*).

Ngân hàng Thương mại Cổ phần S không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.639.000 đồng (ba triệu sáu trăm ba mươi chín ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001479 ngày 05/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu (nay là Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh).

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn này được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh để xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND KV14- TP. Hồ Chí Minh;
- Thi hành án Dân sự TP. Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS KV14- TP. Hồ Chí Minh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Trần Thị Hồng Hạnh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND H. Châu Đức;
- Chi cục THADS H. Châu Đức;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Hồng Hạnh

